TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/HS-ST
Ngày: 25 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Ngô Thị Vân Thúy
Ông Lưu Văn Viên

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Mạc Thị Sầm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Lộc Thị Mận - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2019/TLST-HS ngày 08/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/HSST-QĐ, ngày 14/10/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, tên gọi khác Không. Sinh ngày 25/6/1993 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 2/3, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Lò Nguyệt S; chưa có vợ con; tiền án: Có 02 tiền án:

- Bản án số 467/2013/HSST, ngày 25/10/2013 Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy";

- Bản án số 12/2017/HSST, ngày 23/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 (mười hai) tháng về tội "Trộm cắp tài sản", với tình tiết tăng nặng là tái phạm, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm.

Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, đã bị xử lý hình sự. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26/6/2019 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn C , sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Anh Nông Tiến Đ, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Số 171, đường B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
Anh Nông Văn T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Số 231, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
Anh Hoàng Trọng B, sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
- *Người làm chứng:*
Ông Vương Văn K, sinh năm 1971, vắng mặt.
Anh Vương Xuân T, sinh năm 2001, vắng mặt.
Anh Vy Văn T, sinh năm 1986, vắng mặt.
Anh Long Văn B, sinh năm 1989, vắng mặt.
Anh Đặng Thành H, sinh năm 1999, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn C là người cùng làm thuê tại thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; cả hai cùng ở trọ tại thôn Pá Phiêng, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian làm thuê tại đây, D thường đi nhờ xe môtô nhãn hiệu SUZUKI màu sơn đỏ, đen, biển kiểm soát 29F2 – 4430 của C. Quá trình đi vác hàng, D quen biết một người đàn ông tên T cũng là người đi vác hàng thuê (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) quê ở Hưng Yên, thuê trọ tại khu vực đường mòn 06 thuộc khu Lò Rèn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 24/3/2019, D đi đón hàng tại khu vực đường mòn 474 thuộc thôn Tà Lài, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn thì gặp T, trong lúc nói chuyện, T nói với D dạo này thiếu tiền tiêu và T nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe môtô nhãn hiệu SUZUKI màu sơn đỏ, đen biển kiểm soát 29F2 – 4430 của Nguyễn Văn C, vì biết D ở cùng nhà trọ và thường xuyên đi làm bằng xe môtô của C. T nói với D ý định lấy trộm xe môtô của C và hỏi D nếu trộm được xe thì tìm được chỗ bán không, D nói biết chỗ bán xe. Sau khi bàn bạc xong T và D cùng thống nhất khi nào D thấy C đi làm về đến phòng trọ tại thôn Pá Phiêng, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thì D sẽ gọi điện cho T đến để lấy trộm xe của C.

Đến khoảng 03 giờ 40 phút ngày 25/3/2019, khi D đang ở phòng trọ thì thấy C đi làm về, đợi C đi ngủ, D lấy điện thoại gọi điện cho T thông báo C đã về, sau đó D đi ngủ. Khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày, T gọi điện cho D nói là đã trộm được xe môtô của C rồi và nói đăng ký xe để ở trong cốp và bảo D mang xe đi bán, do trời còn tối nên D không đồng ý và tắt điện thoại đi ngủ tiếp. Đến khoảng 09 giờ 00 cùng ngày, T gọi điện cho D nói đang ở ngã tư Phai Trần, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn và hẹn D ở đó, khi nhận được điện thoại của T, D bắt xe khách đến gặp T. Tại đây D nhận xe môtô biển kiểm soát 29F2 – 4430 cùng đăng ký xe môtô để trong cốp xe của C với T, rồi D gọi điện thoại cho Hoàng Trọng B là bạn hỏi có biết ai mua xe môtô không, B trả lời biết và

hẹn gặp nhau tại quán nước thuộc đường Bà Triệu, thành phố Lạng Sơn, sau đó D đến, lúc này có Nông Văn T ở đó, Trung gọi điện thoại cho Nông Tiến Đ đến để xem xe. Qua trao đổi D nói bán xe với giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) T và Đ nói giá quá cao không mua, khi T và Đ đi về nhà T được khoảng 30 phút thì D gọi điện cho B hỏi địa chỉ nhà T để đến thương lượng bán xe. Tại nhà T, D đặt vấn đề muốn cầm cố chiếc xe môtô biển kiểm soát 29F2 – 4430, T nói ở đây không cầm cố xe để vay tiền, nếu bán xe môtô với giá 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) thì Đ mua, lúc đó D gọi điện thoại cho T thông báo bán xe là 14.000.000 (mười bốn triệu đồng), T đồng ý, Đ giao cho D số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng), D giao xe và đăng ký xe môtô cho Đ (không làm giấy tờ mua bán) rồi D bắt xe khách về thị trấn Đồng Đăng gặp T tại quán nước gần Bưu điện thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây D giao số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) cho T và T đưa cho D 5.000.000đ (năm triệu đồng), sau đó D về nhà trọ sinh hoạt bình thường, số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) D đã sử dụng hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 12/KLĐGTSHS, ngày 20/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Chiếc xe môtô biển kiểm soát 29F2 - 4430, nhãn hiệu SUZUKI, màu đỏ đen có giá trị 23.000.000 (hai mươi ba triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 93/CT-VKS, ngày 07/10/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận diễn biến hành vi như đã nêu ở phần trên. Bị cáo thừa nhận, khi được T rủ trộm cắp chiếc xe môtô của anh Nguyễn Văn C bán lấy tiền tiêu sài. Bị cáo đã đồng ý. Bị cáo là người thông báo cho T biết giờ giấc của C đi làm về để T lấy trộm xe. Sau khi lấy xong, T gọi điện cho bị cáo biết đã trộm được xe môtô của C. 9h00 sáng ngày 25/3/2019, T hẹn bị cáo xuống ngã tư Phai Trần, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn mang chiếc xe môtô trộm cắp được đi bán. Bị cáo đã bán chiếc xe trên cho một người tên là Nông Tiến Đ lấy 14.000.000đồng, bị cáo được T chia cho 5.000.000đồng đã tiêu sài cá nhân hết. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.

Bị hại anh Nguyễn Văn C khai: Khoảng 03 giờ sáng ngày 25/3/2019, sau khi vác hàng xong anh về phòng trọ nghỉ ngơi đến 10 giờ sáng cùng ngày ngủ dậy không thấy chiếc xe môtô đâu nữa. Ngày 24/4/2019, có Vương Xuân T báo với anh C là nhìn thấy chiếc xe của anh trên nick fabook "Tay Trung", xác định đúng là chiếc xe bị mất, anh đã đến cơ quan Công an trình báo. Anh yêu cầu Hội đồng xét xử cho anh xin lại chiếc xe và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Anh Nông Tiến Đ yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng). Bị cáo cũng nhất trí bồi thường cho anh Nông Tiến Đ 14.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù giam, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại; bị cáo sẽ có trách nhiệm bồi thường cho anh Nông Tiến Đ 14.000.000 đồng.

Về vật chứng: Trả lại chiếc xe môtô biển kiểm soát: 29F2- 4430 cho anh Nguyễn Văn C là người quản lý, sử dụng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 12/KLĐGTSHS, ngày 20/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn D đã có hành vi giúp sức, lén lút trộm cắp 01 chiếc xe môtô của anh Nguyễn Văn C mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, trị giá chiếc xe môtô là 23.000.000đồng (hai mươi ba triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội trong khi chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, khiến quần chúng hoang mang, lo lắng. Bị cáo có đủ năng lực nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do coi thường pháp luật bị cáo đã phạm tội. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như sau:

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo đã 02 lần bị Tòa án xét xử, trong đó cả 02 lần chưa được xóa án tích. Do vậy, xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là người có nhân thân xấu.

[6] Xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và làm gương cho những người khác. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ

phần nào khi quyết định hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người thành khẩn khai báo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: Theo Kết luận giám định số 211/KLGĐ-PC09, ngày 29/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn thì Giấy đăng ký xe môtô số A0015057 mang tên Nguyễn Thị Tuyết M là giấy đăng ký thật. Theo phiếu trả lời kết quả xác minh phương tiện cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn ngày 03/7/2019 chị Nguyễn Thị Tuyết M có đăng ký xe môtô nhãn hiệu STAR, biển kiểm soát 29F2- 4430, màu sơn đỏ, đăng ký lần đầu ngày 18/6/1996. Chiếc xe môtô do anh Nguyễn Văn C bị mất có biển kiểm soát 29F2 - 4430, màu sơn đỏ đen, nhãn hiệu SUZUKI không xác định số khung, số máy nguyên thủy. Như vậy, giữa giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Tuyết M với chiếc xe môtô của Nguyễn Văn C bị mất trùng khớp nhau về biển số, nhưng không trùng khớp về màu xe, nhãn hiệu xe, số khung số máy không còn nguyên thủy, đã bị cắt dán. Tuy nhiên, hiện nay cơ quan điều tra cũng không tìm được chủ sở hữu chiếc xe mà chiếc xe này do anh Nguyễn Văn C quản lý trước khi bị mất nên Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho anh C.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn C đã được trả lại chiếc xe môtô bị mất và không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với yêu cầu bồi thường dân sự của anh Nông Tiến Đ, Hội đồng xét xử xét thấy, khi mua xe anh Đ thấy xe có đầy đủ giấy tờ, không biết là tang vật của vụ trộm cắp tài sản, chiếc xe đã được thu hồi và trả cho anh Nguyễn Văn C nên bị cáo phải có trách nhiệm trả cho anh Nông Tiến Đ 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng). Tại phiên tòa, giữa bị cáo và bị hại thỏa thuận, bị cáo sẽ bồi thường cho anh Đ 14.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[10] Trong vụ án này còn có đối tượng tên là T, bị cáo khai là người tham gia trộm cắp chiếc xe môtô của anh C cùng bị cáo. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã tách ra, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, khi nào làm rõ được sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[11] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải bồi thường dân sự cho anh Nông Tiến Đ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 8, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[12] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo cũng không khiếu nại về quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g, khoản 2, Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; khoản 2, Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 579; khoản 1, Điều 580; Điều 582; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm a, khoản 3, Điều 106; khoản 2, Điều 136; Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23; khoản 8, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/6/2019.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

3. Về bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và anh Nông Tiến Đ. Bị cáo Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nông Tiến Đ, sinh năm 1993 (Địa chỉ: Số 171, đường B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Nguyễn Văn C, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn:

- 01 (một) chiếc xe môtô, Biển kiểm soát 29F2- 4430, màu sơn đỏ đen, đã qua sử dụng, không xác định số khung, số máy nguyên thủy;

- 01 (một) đăng ký xe môtô số A0015057 mang tên Nguyễn Thị Tuyết M.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn ngày 08/10/2019)

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải chịu 900.000đồng (chín trăm nghìn đồng) tiền án phí để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (2b);
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (tống đạt);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Người có QL&NV liên quan (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh